Signed
By:Ủy ban
nhân dân
tỉnh
Reason:
Location:
Signing
Date:09.03.
2018 11:33

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 598 /QĐ-UBND	*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 06 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát Thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số …65…/TTr-SNN ngày 26/02/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *(Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Phụ lục kèm theo Quyết định này được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, chuyên mục "Công báo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu", tại địa chỉ: www.baria-vungtau.gov.vn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể;
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ; NN&PTNT;
- Bộ phận TN&TKQ tập trung cấp tỉnh;
- Các cơ quan trực thuộc Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT-P.KSTTHC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tịnh

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN HÓA BỔ SUNG LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-UBND ngày 06 / 3 /2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

I. Danh mục thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường
2	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
3	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
4	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
5	Đóng dấu búa kiểm lâm
6	Cấp giấy phép vận chuyển gấu
7	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng
8	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu

II. Nội dung thủ tục hành chính

1. Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nộp hồ sơ.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc sau khi: kết thúc mỗi đợt khai thác; khai thác hết số lượng mẫu vật được cấp; giấy phép khai thác hết thời hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác lập bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT và gửi cơ quan Kiểm lâm sở tại để xác nhận.

+ Bước 2: Xác nhận thực tế mẫu vật khai thác.

Cơ quan Kiểm lâm sở tại tiếp nhận bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác có trách nhiệm tổ chức việc xác nhận thực tế kết quả khai thác. Trường hợp không xác nhận, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đó.

+ **Bước 3:** Trả kết quả.

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

+ Bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác (mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan Kiểm lâm sở tại;

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Lệ phí: Không.

- Mẫu đơn, tờ khai:

+ Bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác (mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

+ **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận số lượng thực tế mẫu vật động vật rừng thông thường đã khai thác.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC**: Điều 6 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

Mẫu số 5: Bảng kê mẫu vật rừng thông thường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BKĐVR

Tờ số:.......

BẢNG KÊ MẪU VẬT ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

Stt	Tên loài		Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả mẫu vật	Nguồn gốc	Thời gian có mẫu vật	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học						
1								
2								
3								
…								

Ngày..........tháng.........năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên đóng dấu nếu là tổ chức)*

2. Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nộp hồ sơ.

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận trại nuôi.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi đồng thời lập sổ theo dõi;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trả kết quả.

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi phải thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức; tên loài, số lượng, nguồn gốc động vật nuôi; địa Điểm trại nuôi; mô tả trại nuôi theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư *20/2016/TT-BNNPTNT*, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Bản sao chụp Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Tiếp nhận hồ sơ và chứng nhận: Cơ quan Kiểm lâm sở tại trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi đồng thời lập sổ theo dõi. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

+ Trả kết quả: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận trại nuôi được cấp, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả cho tổ chức được cấp.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- **Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Mức độ 2.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức.

- **Phí, lệ phí**: Không.

- **Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi d9o6ngn5 vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC**:

+ Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường;

+ Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 06: Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: ....

1. Tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân đề nghị:

Tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập.

2. Nội dung đề nghị cấp đăng ký:

Cấp mới 0; Cấp bổ sung 0; Khác 0 (nêu rõ) ….

3. Loài động vật rừng thông thường đề nghị nuôi:

Stt	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Mục đích gây nuôi	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học				
1						
2						
3						
…						

4. Địa Điểm trại nuôi:

5. Mô tả trại nuôi:

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

- ....

…….., ngày…….. tháng …… năm ……..

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(ký ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

3. Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Nộp hồ sơ.

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

+ **Bước 2:** Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi.

Cơ quan Kiểm lâm sở tại cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

+ **Bước 3:** Trả kết quả.

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ: Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan kiểm lâm sở tại;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan kiểm lâm sở tại;

+ Cơ quan phối hợp: không.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Lệ phí: Không.

- Mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc văn bản thông báo lý do không cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

- Căn cứ pháp lý của TTHC: Khoản 1, Khoản 5 Điều 8 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

<u>Mẫu số 6:</u> Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: ....

1. Tên và địa chỉ tổ chức đề nghị:

Tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập

2. Nội dung đề nghị cấp đăng ký:

Cấp mới ☐; Cấp đổi ☐; Cấp bổ sung ☐; Khác ☐ (nêu rõ) ….

3. Loài động vật rừng thông thường đề nghị nuôi:

Stt	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Mục đích gây nuôi	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học				
1						
2						
3						
…						

4. Địa điểm trại nuôi:

5. Mô tả trại nuôi:

6. Các tài liệu kèm theo:

- *Hồ sơ nguồn gốc;*
- ....

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã *(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	……., *ngày*……. *tháng* …… *năm* ……. Tổ chức đề nghị *(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

4. Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nộp hồ sơ.

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

+ Bước 2: Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi.

Cơ quan Kiểm lâm sở tại cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

+ Bước 3: Trả kết quả: Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại hoặc qua đường bưu điện.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện.

- Thành phần hồ sơ: Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan Kiểm lâm sở tại;

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Lệ phí: Không.

- Mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc văn bản thông báo lý do không cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC**: Điều 8 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

<u>Mẫu số 6:</u> Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2012/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: ....

1. Tên và địa chỉ tổ chức đề nghị:

Tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập

2. Nội dung đề nghị cấp đăng ký:

Cấp mới □; Cấp đổi □; Cấp bổ sung □; Khác □ (nêu rõ) ....

3. Loài động vật rừng thông thường đề nghị nuôi:

Stt	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Mục đích gây nuôi	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học				
1						
2						
3						
...						

4. Địa điểm trại nuôi:

5. Mô tả trại nuôi:

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

- ....

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã *(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	........, *ngày*........ *tháng* ...... *năm* .... Tổ chức đề nghị *(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

5. Đóng dấu búa kiểm lâm

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Tổ chức cá nhân nộp hồ sơ xin đóng búa kiểm lâm tại cơ quan Kiểm lâm sở tại.

+ Bước 2. Kiểm tra hồ sơ, xác minh đối tượng, nguồn gốc gỗ theo quy định trước khi đóng búa kiểm lâm.

Trường hợp khối lượng gỗ đo tính thực tế sai số vượt quá 15% so với khối lượng gỗ trong lý lịch khai báo với cơ quan Hải quan, thì yêu cầu chủ gỗ lập lại lý lịch gỗ trước khi đóng búa kiểm lâm. Nếu khối lượng gỗ vượt khối lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì yêu cầu chủ gỗ báo cáo cơ quan đã cho phép nhập khẩu gỗ giải quyết, khi được phép mới đóng búa kiểm lâm.

+ Bước 3. Sau khi kiểm tra hồ sơ, xác minh xong đối tượng, nguồn gốc gỗ nếu hồ sơ chưa đủ thì hướng dẫn chủ rừng hoặc chủ gỗ bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ công chức kiểm lâm được giao nhiệm vụ tiến hành đóng búa kiểm lâm.

+ **Bước 4:** Trả kết quả.

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức quản lý người nộp hồ sơ đề nghị đóng búa kiểm lâm ;

+ Lý lịch gỗ do chủ rừng hoặc chủ gỗ lập;

+ Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp.

- Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động;

+ Cơ quan phối hợp: không.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

- Lệ phí: Không.

- Mẫu đơn, tờ khai: Không.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy xác nhận.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Điều 7, 8, 9 Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm ban hành tại Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/06/2006 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT;

+ Điều 2 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

6. Cấp giấy phép vận chuyển gấu

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị vận chuyển gấu gửi Hạt Kiểm lâm sở tại.

+ Bước 2. Thẩm định, kiểm tra.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ vận chuyển gấu thẩm định, kiểm tra chíp điện tử (đối với các cá thể gấu đã gắn chíp điện tử), lập biên bản xác nhận số gấu vận chuyển đi và cấp giấy phép vận chuyển gấu theo quy định

+ Bước 3: Trả kết quả: tổ chức, cá nhân nhận kết quả xác nhận tại Hạt Kiểm lâm nơi nộp hồ sơ.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị di chuyển gấu nuôi (Phụ lục VI Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN);

+ Hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của gấu hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chíp điện tử;

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi của nơi đến. Trường hợp vận chuyển gấu ra địa bàn ngoài tỉnh chủ nuôi gấu thông báo bằng văn bản với Cơ quan kiểm lâm sở tại đến làm biên bản kiểm tra xác nhận.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển gấu phải hoàn thành biên bản xác nhận số gấu vận chuyển và ra văn bản cho phép vận chuyển gấu trong phạm vi nội tỉnh hoặc cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt ra địa bàn ngoài tỉnh; trường hợp không giải quyết cho phép vận chuyển phải có văn bản trả lời người đề nghị về lý do không giải quyết.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm cấp huyện;

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm cấp huyện;

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

- Lệ phí: Không.

- **Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục VI Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép vận chuyển gấu.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Điều 5, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010

+ Điều 10 Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi.

Phụ lục VI: Mẫu đơn đề nghị di chuyển gấu nuôi

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

......., ngày….. tháng….. năm 200…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI CHUYỂN GẤU

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố …………

(Trường hợp địa phương nào không có Chi cục Kiểm lâm thì gửi Cơ quan kiểm lâm vùng)

Tên tôi là :……………………………………………………………………………

CMND số………………Cấp ngày…………. Tại……………………………..

Địa chỉ thường trú………………………………………………………………

Được cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu số … ngày …/…/… Cơ quan cấp: …

Đề nghị cho phép di chuyển số gấu như sau:

1. Loài……………Giới tính (đực, cái)……..Nặng………..(kg)

Đặc điểm…………………… Số chíp điện tử…………………………………

2. ………………………………………………………………………………

(nếu số lượng nhiều thì lập thành dang sách riêng kèm theo)

Đang nuôi nhốt tại địa chỉ: ………………………………………………………

Tới địa điểm mới là: …………………

Lý do di chuyển: ………………………

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý gấu nuôi nhốt và đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển.

(kèm theo đây là bản sao hồ sơ các con gấu nói trên)

….. ngày ….tháng ….năm …

Người làm đơn

(họ, tên, chữ ký; đóng dấu đối với tổ chức)

7. Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng

- Trình tự thực hiện:

+ Chủ lâm sản chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

+ Chủ lâm sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm nơi có lâm sản.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ lâm sản biết và hướng dẫn chủ lâm sản hoàn thiện hồ sơ

+ Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay

+ Xác minh nguồn gốc (nếu có): Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản. Thời hạn xác nhận lâm sản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trả kết quả: Chủ lâm sản nhận kết quả xác nhận tại Hạt Kiểm lâm nơi nộp hồ sơ.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

- Thành phần hồ sơ:

+ Bảng kê lâm sản (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012);

+ Hoá đơn bán hàng (nếu có);

+ Tài liệu về nguồn gốc lâm sản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

- Thời hạn giải quyết:

+ Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh);

+ Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- **Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Mức độ 2.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- **Lệ phí:** Không.

- **Mẫu đơn, tờ khai:**

+ Bảng kê lâm sản theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

+ Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận trên bảng kê lâm sản.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Điều 7 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

+ Điều 1 Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Mẫu số 01: Bảng kê lâm sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số..01/2012/TT-BNN ngày 4/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

………………..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…………………	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------------

Số: /BKLS Tờ số:…….

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo ....ngày......../......../20... của......................................)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Ngày..........tháng.........năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN

Mẫu số 02: Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 4/01/2012
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN

NHẬP XƯỞNG						XUẤT XƯỞNG					
Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ nhập lâm sản kèm theo	Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ghi chú: cuối mỗi tháng ghi tổng hợp số lượng, khối lượng từng loại lâm sản nhập, xuất, tồn kho trong tháng vào cuối trang của tháng đó.

8. Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu

- Trình tự thực hiện

+ Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

+ Chủ cây cảnh nộp hồ sơ trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm nơi có cây cảnh.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ cây cảnh biết và hướng dẫn chủ cây cảnh hoàn thiện hồ sơ.

+ Thẩm định hồ sơ: Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm nơi có cây cảnh xem xét xác nhận cho chủ cây cảnh trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ trước khi xác nhận cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ cây cảnh biết và tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ, số lượng, khối lượng, loài cây; kết thúc xác minh phải lập biên bản xác minh. Thời hạn xác nhận nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ trong trường hợp này tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Chủ cây cảnh nhận kết quả xác nhận tại Hạt Kiểm lâm nơi nộp hồ sơ.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30) trừ các ngày lễ.

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp

- Thành phần hồ sơ:

+ Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg.

+ Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng (nếu có).

+ Tài liệu về nguồn gốc cây cảnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh).

+ Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- **Lệ phí:** Không

- **Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 5/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận trên bảng kê lâm sản.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 5/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

Mẫu bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ)

(1)........................ .... --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------------

BẢNG KÊ CÂY CẢNH, CÂY BÓNG MÁT, CÂY CỔ THỤ

Kèm theo (2)... ... ngày .../.../20... của ....

TT	Loài cây		Quy cách cây		Số lượng (cây)	Ghi chú
	Tên thông dụng	Tên khoa học	Đường kính tại vị sát gốc (cm)	Chiều cao dưới cành (m)		

		Ngày ... tháng ... năm 20...
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN *(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**KIỂM LÂM ĐỊA BÀN (4)** *(ký tên, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (3), CỘNG ĐỒNG, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN** *(ký tên, ghi rõ họ tên)*

(1) Ghi rõ tên tổ chức/cộng đồng/hộ gia đình/cá nhân; địa chỉ.
(2) Ghi rõ số hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn giá trị gia tăng của tổ chức.
(3) Đại diện cho tổ chức lập bảng kê ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu của tổ chức.
(4) Đối với xã, phường, thị trấn có Kiểm lâm địa bàn thì Kiểm lâm địa bàn ký, ghi rõ họ tên.